

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/KDTM- PT.

Ngày 28/04/2021.

V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

T H nh phảnhà ội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: ông Hoàng Minh Thành và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP H Nội: bà Nguyễn Bách Thiện Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/04/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2021/KTPT ngày 11/01/2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 127/2020/KDTM - ST ngày 30/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2021/QĐXX- PT ngày 19/04/2021, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân Hàng thương mại cổ phần NT....**

Trụ sở: số phường LTT, quận K, TP H Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: anh Lê Huy H - Phó giám đốc phụ trách điều H nh Ngân H ng TMCP NT..... - Chi nhánh TX (theo Giấy ủy quyền số 103/UQ-VCB-PC ngày 01/5/2019); Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: chị Cao Minh H - Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp thuộc Ngân Hàng TMCP NT....- Chi nhánh Thanh Xuân và anh Tạ Duy T- cán bộ Phòng KHDN - Phó trưởng ban xử lý nợ có vấn đề- Chi nhánh Thanh Xuân (theo Giấy ủy quyền số 95/UQ.VCBTX-HCNS ngày 05/8/2019) (bà H vắng mặt, anh T có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng**

Trụ sở:, thôn DN, xã ML huyện ĐA, TP H Nội; Người đại diện theo pháp luật: chị Nguyễn Thúy Q - Giám đốc (chị Q có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Trần Nhật H**, sinh năm 1982 (anh H có mặt tại phiên tòa);
2. Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1979 (chị H có mặt tại phiên tòa);
3. Cháu **Trần Quang V**, sinh ngày 24/10/2004;

4. Cháu **Trần Thị Tuyết M**, sinh ngày 27/3/2007;

5. Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1990 (cháu anh H);

6. Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1945 (mẹ anh H);

Cùng trú tại số phố NGT, tổ, phường TT, quận LB, TP HN; Người đại diện nhà ợp pháp của cháu V, cháu M là anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H.

7. Ông **Nguyễn nhà ữu H**, sinh năm 1949;

8. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1957;

Cùng trú tại tổ phường ĐG, quận Long Biên, TP H Nội.

9. Anh **Trần Nhật L**, sinh năm 1982;

10. Chị **Đàm Thị Thanh M**, sinh năm 1983;

Cùng trú tại:, xã YT, huyện Gia Lâm, TP H Nội.

11. Anh **Bùi Khắc T**, sinh năm 1973;

12. Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1976;

Cùng trú tại: xã ML, huyện Đông Anh, TP H Nội.

13. Ông **Trần Tiến Dũng**, sinh năm 1948.

Trú tại: phố NS, phường GT, quận LB, TP H Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị H, bà Đ, ông H, bà T, anh L, chị M, anh T, chị N ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979 (trú tại phố NGT, tổ, phường TT, quận LB, TP HN) (chị H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân Hàng TMCP NT.... trình bày:

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn và phương án kinh doanh của Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng(sau đây gọi tắt là bị đơn), Ngân Hàng TMCP NT..... (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) đã ký 02 hợp đồng tín dụng với bị đơn, cụ thể:

1. Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2018/CTD/VCB.TX-CNC ngày 08/06/2018 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2018/CVHM/VCB.TX-CNC ngày 08/06/2018; giới hạn cấp tín dụng 15.000.000.000 đồng. Mục đích cấp tín dụng để tài trợ các nhu cầu cấp tín dụng ngánhà ạnhà ợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bị đơn. Thời hạn vay mỗi khoản tối đa 08 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của nguyên đơn trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn là 130% lãi suất cho vay trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi khách H ng trả hết dư nợ gốc bị quá hạn. Mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là 0%/năm.

Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền trên cụ thể: Giấy nhận nợ số 02 ngày 18/7/2018 số tiền nhận nợ là 3.680.788.000 đồng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua Hàng cho Công ty cổ phần kinh doanh thép 9 & 10. Phương tiện giải ngân là chuyển vào tài khoản của bị đơn. Thời hạn vay là 8 tháng kể từ ngày 18/7/2018. Lãi suất cho vay cố định 8,25%/năm. Lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả 0%/năm. Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng.

Giấy nhận nợ số 03 ngày 24/7/2018 số tiền nhận nợ là 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua Hàng cho Công ty cổ phần kinh doanh thép 9 & 10. Phương tiện giải ngân là chuyển vào tài khoản của bị đơn. Thời hạn vay là 8 tháng kể từ ngày 24/7/2018. Lãi suất cho vay cố định 8,25%/năm. Lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả 0%/năm. Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng.

Giấy nhận nợ số 04 ngày 13/8/2018 số tiền nhận nợ là 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua Hàng cho Công ty TNHH xây dựng Phương tiện giải ngân là chuyển vào tài khoản của bị đơn. Thời hạn vay là 8 tháng kể từ ngày 13/8/2018. Lãi suất cho vay cố định 8,25%/năm. Lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả 0%/năm. Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng.

Giấy nhận nợ số 05 ngày 30/8/2018 số tiền nhận nợ là 1.900.000.000 đồng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH xây dựng TN. Phương tiện giải ngân là chuyển vào tài khoản của bị đơn. Thời hạn vay là 8 tháng kể từ ngày 30/8/2018. Lãi suất cho vay cố định 8,25%/năm. Lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả 0%/năm. Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng.

Giấy nhận nợ số 06 ngày 11/9/2018 số tiền nhận nợ là 1.200.000.000 đồng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng cho Công ty cổ phần kinh doanh thép 9 & 10. Phương tiện giải ngân là chuyển vào tài khoản của bị đơn. Thời hạn vay là 8 tháng kể từ ngày 11/9/2018. Lãi suất cho vay cố định 8,25%/năm. Lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả 0%/năm. Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng.

Giấy nhận nợ số 07 ngày 05/3/2019 số tiền nhận nợ là 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH kim khí MP. Phương tiện giải ngân là chuyển vào tài khoản của bị đơn. Thời hạn vay là 45 ngày kể từ ngày 05/3/2019. Lãi suất cho vay cố định 8,25%/năm. Lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả 0%/năm. Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng.

Giấy nhận nợ số 08 ngày 06/3/2019 số tiền nhận nợ là 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH kim khí MP. Phương tiện giải ngân là chuyển vào tài khoản của bị đơn. Thời hạn vay là 45 ngày kể từ ngày 06/3/2019. Lãi suất cho vay cố định 8,25%/năm. Lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả 0%/năm. Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng.

Giấy nhận nợ số 09 ngày 07/3/2019 số tiền nhận nợ là 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH kim khí MP. Phương tiện giải ngân là chuyển vào tài khoản của bị đơn. Thời hạn vay là 45 ngày kể từ ngày 07/3/2019. Lãi suất cho vay cố định 8,25%/năm. Lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả 0%/năm. Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng.

Giấy nhận nợ số 10 ngày 08/3/2019 số tiền nhận nợ là 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH kim khí MP. Phương tiện giải ngân là chuyển vào tài khoản của bị đơn. Thời hạn vay là 45 ngày kể từ ngày 06/3/2019. Lãi suất cho vay cố định 8,25%/năm. Lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả 0%/năm. Trả nợ gốc cuối kỳ, trả nợ lãi hàng tháng.

Biện pháp bảo đảm khoản vay:

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ, phường TT, quận Long Biên, TP H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số số vào sổ cấp do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 04/05/2011 thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ ..., phường TT, quận Long Biên, TP H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số, số vào sổ cấp GCN ... do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 04/05/2011 thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ ..., phường TT, quận Long Biên, H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số, số vào sổ cấp do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 30/12/2011 thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H.

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ ..., phường TT, quận Long Biên, TP H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số, số vào sổ cấp do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 02/02/2015 thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H.

- 01 ô tô BMW X3, biển kiểm soát ..., chủ sở hữu là anh Trần Nhật H, sản xuất năm 2016.

2. *Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 01/TH/2017/VCB.TX-CNC ngày 27/02/2017*, hạn mức cho vay 5.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được áp dụng theo Công văn số 3790/VCB-KHDN ngày 31/3/2016 của nguyên đơn v/v triển khai chương trình cho vay trung dài hạn VNĐ. Mục đích cấp tín dụng thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án đầu tư thiết bị dàn nâng và hệ thống cầu trục, máy CNC phục vụ hoạt động sản xuất, gia công các sản phẩm kết cấu thép.

Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn cụ thể: Giấy nhận nợ số 01 ngày 28/02/2017 số tiền nhận nợ là 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay là thanh toán một phần chi phí mua máy cầu trục. Phương tiện giải ngân là chuyển vào tài khoản của bị đơn. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 28/02/2017. Lãi suất cho vay 7,4%/năm theo chương trình lãi suất trung hạn cố định năm đầu. Lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả 0%/năm. Trả nợ gốc hàng quý, trả nợ lãi hàng tháng.

Biện pháp bảo đảm: các tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư thiết bị dàn nâng và hệ thống cầu trục, máy CNC phục vụ hoạt động sản xuất, gia công các sản

phẩm kết cấu thép, tại địa chỉ, thôn TL, xã PM, huyện SS, TP H Nội, cụ thể: Máy H n dầm H, Model IHH-0815 (không có nguồn H n); Máy H n tự động Model MZ-1000 (gồm nguồn, hộp điều khiển, bộ ra dây); Thiết bị dàn nâng; Hệ thống cầu trục hệ nhỏ; Hệ thống cầu trục hệ trung.

Việc vi phạm nghĩa vụ: từ tháng 03/2019, bị đơn có dấu hiệu khó khăn về tài chính, dòng tiền luân chuyển chậm, chậm trả gốc và lãi vay, nguyên đơn đã tiến hành theo dõi đặc biệt, cấp tín dụng chặt chẽ, thường xuyên liên hệ với bị đơn để nắm thông tin tình hình hoạt động của bị đơn, yêu cầu trả nợ lãi vay đúng hạn. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tìm mọi biện pháp để thu hồi công nợ, tận dụng mọi nguồn thu của cả bị đơn và cá nhân chủ sở hữu để thanh toán nợ gốc, lãi quá hạn.

Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc trực tiếp đồng thời có các văn bản nhắc nợ yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, yêu cầu bị đơn và bên thứ ba (bên thế chấp tài sản là anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H) thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo nghĩa vụ vay vốn của bị đơn tại nguyên đơn. Tuy nhiên, tính đến nay bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn.

Tính đến hết ngày 23/9/2020, tổng dư nợ của bị đơn tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại nguyên đơn là 20.926.629.615 đồng, trong đó nợ gốc là 17.944.031.936 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.421.044.591 đồng, nợ lãi quá hạn là 561.616.089 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 23/9/2020 như nêu ở trên.

Buộc bị đơn phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế bị đơn trả hết nợ gốc cho nguyên đơn.

Trường hợp nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm của bị đơn và bên thứ ba để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho nguyên đơn (bao gồm các khoản nợ gốc và lãi) thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu tất cả các tài sản khi bán/xử lý mà vẫn không đủ để thu hồi nợ cho nguyên đơn thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả xong nợ vay, bao gồm cả gốc và lãi theo đúng các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thu H có yêu cầu độc lập xác định tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số ... tờ bản đồ số ... phường TT, quận Long Biên, TP H Nội là tài sản chung của dòng họ Trần, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H

thuộc tài sản thế chấp cho khoản vay của bị đơn tại nguyên đơn. Quá trình ký kết và thực hiện nhà ợp đồng thế chấp tài sản, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, do vậy yêu cầu của chị H là không có cơ sở, nên nguyên đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị H.

Bị đơn do chị Nguyễn Thúy Q là người đại diện theo pháp luật theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106990068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cung cấp thì bị đơn có địa chỉ trụ sở tại lô, thôn DN, xã ML, huyện Đông Anh, TP Hà Nội.

Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã ML, huyện Đông Anh, TP Hà Nội thì hiện nay tại địa chỉ trên, bị đơn không còn nhà oạt động sản xuất kinh doanh ở đây, không treo biển Công ty và không có tài sản gì trên đất.

Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân phường TT, quận Long Biên, TP Hà Nội thì hiện nay trụ sở bị đơn đang đặt tại ... phường TT bao gồm thửa đất số và thửa đất số tờ bản đồ số xóm L và một phần là đất do bị đơn thuê của UBND phường hiện nay đã hết thời hạn nhà ợp đồng thuê. Hiện tại bị đơn còn nhà oạt động hay không thì địa phương không nắm được.

Theo cung cấp của Công an phường ĐG, quận Long Biên là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Nguyễn Thúy Q là người đại diện theo pháp luật của bị đơn thì hiện nay chị Q vẫn đang có hộ khẩu thường trú tại ... tập thể nhà máy gỗ, phường ĐG, quận Long Biên, TP Hà Nội và chị Q hiện vẫn đang sinh sống thường xuyên tại địa chỉ trên. Tuy nhiên, chị Q thường hay vắng mặt tại nhà .

Quá trình giải quyết vụ án, chị Q đã có lần đến Tòa án, tuy nhiên chị Q từ chối không cung cấp lời khai cho Tòa án. Do vậy, nên Tòa án không lấy được lời khai của chị Q với tư cách là đại diện theo pháp luật của bị đơn trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Nhật H:

Theo cung cấp của UBND phường TT và Công an phường TT, quận Long Biên là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Trần Nhật H thì hiện nay anh H vẫn đang có hộ khẩu thường trú tại nay là tổ ... phường TT, quận Long Biên, TP Hà Nội. Hiện tại anh H không thường xuyên sinh sống tại địa chỉ trên, anh H đi đâu thì Công an phường không nắm bắt được do anh H không trình báo.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã có nhiều lần đến Tòa án, tuy nhiên anh H từ chối không cung cấp lời khai cho Tòa án. Do vậy, Tòa án không lấy được lời khai của anh H với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: chị và anh Trần Nhật H là vợ chồng, anh chị đăng ký kết hôn từ năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường ĐG, quận Long Biên, TP Hà Nội.

Bị đơn trước đây do anh Trần Nhật H làm giám đốc, sau này chuyển sang cho ai làm giám đốc chị không nắm được. Đối với việc bị đơn ký các Hợp đồng tín dụng và vay tiền của nguyên đơn như thế nào chị cũng không nắm được.

Vào khoảng thời gian đầu năm 2017, anh H có nói chị đến ký các Hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh chị là:

1. Quyền sử dụng đất thửa đất ... tờ bản đồ số xóm L có diện tích 47,2 m² tại tổ phường TT, quận Long Biên, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ... do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 04/05/2011;

2. Quyền sử dụng đất thửa đất ... tờ bản đồ số xóm L có diện tích 47,2 m² tại tổ ... phường TT, quận Long Biên, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ... do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 04/05/2011;

3. Quyền sử dụng đất thửa đất ... tờ bản đồ số 4 có diện tích 65,3 m² tại ... phường TT, quận Long Biên, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 30/12/2011;

4. Quyền sử dụng đất thửa đất ... tờ bản đồ số xóm L có diện tích m² tại tổ phường TT, quận Long Biên, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 9do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 02/02/2015.

Tất cả các Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm đều được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh quận Long Biên theo đúng quy định của pháp luật. Việc thế chấp các tài sản trên của chị và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Hiện tại thửa đất số ... và tờ bản đồ số xóm L là trụ sở của bị đơn. Hiện tại bị đơn còn hoạt động hay không chị không nắm bắt được.

Thửa đất số tờ bản đồ số xóm L chỉ là đất trống không có nhà và không có ai sinh sống trên đất.

Thửa đất số ... tờ bản đồ số ... là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị và anh H. Hiện nay gia đình chị vẫn thường xuyên sinh sống ổn định tại đây cùng cháu gái anh H là chị Trần Thị H, sinh năm 1990 đến ở từ tháng 5/2020 và mẹ đẻ anh H là bà Trần Thị Đ, sinh năm 1945 đến ở từ tháng 8/2020 cho đến nay. Hiện tại trên đất có 1 ngôi nhà 4 tầng xây dựng năm 2016. Nguồn gốc tiền để mua đất và xây dựng ngôi nhà này là của một số người trong họ hàng nhà anh H có đóng góp với mục đích để làm nhà thờ tổ của dòng họ T và đã thống nhất sau này để lại nhà đất trên cho cháu Trần Vinh Q thờ cúng các cụ. Ngoài ra, còn có số tiền 100.000.000 đồng bố mẹ đẻ chị là ông Nguyễn nhà ữu H và bà Nguyễn Thị T cho để xây nhà .

Cụ thể những người đóng góp tiền gồm có anh Bùi Khắc T và chị Trần Thị N góp số tiền 150.000.000 đồng, anh Trần Nhật L và chị Đàm Thị Thanh M góp số tiền 200.000.000 đồng, ông Trần Tiến D góp số tiền 650.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ của bị đơn, chị đề nghị bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán trả cho nguyên đơn. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ cho nguyên đơn mà nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, thì chị đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác như chị đã trình bày ở trên, vì nhà đất tại thửa đất số ... tờ bản đồ số..... không phải là tài sản riêng của chị và anh H mà là tài sản chung của dòng họ.

Ngày 31/8/2020, chị H có đơn yêu cầu độc lập, chị yêu cầu Tòa án xem xét và xác định nhà đất tại thửa đất ... tờ bản đồ số có diện tích 65,3 m² tại tổ ... phường TT, quận Long Biên, TP Hà Nội là tài sản chung của dòng họ, không phải là tài sản riêng vợ chồng chị và anh H.

Đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện cho anh H trả nợ để không ảnh hưởng đến quyền lợi của chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ông Nguyễn Hữu H có vợ là bà Nguyễn Thị T, ông bà là bố mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Thu H. Năm 2016, gia đình anh H, chị H họp gia đình và thống nhất đóng góp để cho vợ chồng anh H, chị H xây nhà , hai vợ chồng ông là bố mẹ vợ nên đã ủng hộ và có đóng góp số tiền cho anh H, chị H là 100.000.000 đồng. Việc anh H, chị H thế chấp nhà vay tiền của nguyên đơn ông bà không biết. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn và yêu cầu phát mại tài sản nhà đất, gia đình ông không đồng ý phát mại vì đây là nhà có cả hai gia đình và có nhiều người đóng góp, anh H, chị H chỉ là người đứng tên và có đóng góp nhiều hơn. Nếu nguyên đơn phát mại tài sản để khắc phục nợ, ông bà yêu cầu nguyên đơn phải giải quyết theo đúng pháp luật và ông bà phải được nhận lại số tiền đã đóng góp là 100.000.000 đồng.

Do điều kiện sức khỏe yếu nên ông bà xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Nhật L và chị Đàm Thị Thanh M trình bày:

Anh Trần Nhật L (là em trai anh Trần Nhật H) và vợ là chị Đàm Thị Thanh M. Năm 2016, anh H và vợ là chị Nguyễn Thị Thu H có bàn với vợ chồng anh L góp tiền xây nhà ở và cũng là nơi thờ cúng tổ tiên sau này, nên anh chị đã đồng ý góp số tiền là 200.000.000 đồng. Đến nay anh mới biết việc anh H, chị H thế chấp ngôi nhà do anh H và chị H đứng tên. Anh không đồng ý phát mại ngôi nhà vì đây là ngôi nhà mà cả gia đình anh cùng đóng góp xây dựng lên, anh H, chị H chỉ là người đứng tên trên giấy tờ. Nếu nguyên đơn phát mại tài sản để khắc phục hậu quả của việc anh H, chị H vay vốn của nguyên đơn thì anh yêu cầu nguyên đơn phải giải quyết theo pháp luật và cho anh phải được nhận lại số tiền 200.000.000 đồng mà anh đã đóng góp để xây dựng nhà .

Vì điều kiện công việc bận không thể nghỉ được nên anh L và chị M xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Khắc T và chị Trần Thị N trình bày:

Chị Trần Thị N có chồng là anh Bùi Khắc T. Chị N là chị gái anh Trần Nhật H. Năm 2016, trong cuộc họp gia đình, anh H và chị H có nêu ý kiến đóng góp tiền để hai vợ chồng anh H, chị H xây nhà ở và nơi thờ cúng các cụ sau này, nên anh chị đồng ý đóng góp số tiền 150.000.000 đồng để xây dựng nhà và chỗ thờ cúng ông bà. Đến nay chị mới được biết anh H, chị H đã thế chấp nhà thờ mà anh chị và các em đã đóng góp xây dựng chung, nên anh chị không đồng ý phát mại nhà đất vì đây là nhà thờ chung của gia đình, có nhiều người cùng đóng góp xây dựng, anh H, chị H chỉ là người đứng tên sổ đỏ. Nếu nguyên đơn phát mại tài sản trên để khắc phục, anh chị đề nghị nguyên đơn phải giải quyết theo pháp luật, anh chị phải được nhận lại số tiền đã đóng góp là 150.000.000 đồng.

Vì điều kiện công việc bận không thể nghỉ được nên anh chị xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Tiến D trình bày:

Ông là chú ruột của anh Trần Nhật H, hiện nay ông đang cư trú tại phường GT, quận Long Biên, TP Hà Nội. Năm 2016, anh H và chị H cùng toàn thể gia đình có họp và xin phép được xây dựng ngôi nhà mà các cháu đang đứng tên và sử dụng làm nhà thờ của gia đình. H nay cả nhà vẫn về quê cúng giỗ, nay già yếu nên ông đồng ý để các cháu thờ cúng sau này và theo nguyện vọng và điều kiện kinh tế gia đình ông có đóng góp cho hai cháu số tiền 650.000.000 đồng để xây dựng nhà của hai cháu. Những năm qua hai vợ chồng anh H kinh doanh làm ăn có thể chấp nhà cho nguyên đơn ông không được biết vì chủ quyền đứng tên nhà ai cháu. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn và yêu cầu phát mại tài sản nhà đất, ông không đồng ý phát mại vì đây là nhà thờ chung của gia đình, có nhiều người đóng góp xây dựng, hai cháu chỉ là người chủ đứng tên và đóng góp nhiều nhất. Nếu bắt buộc phải phát mại tài sản thì ông đề nghị nguyên đơn phải giải quyết theo đúng pháp luật và ông phải được nhận lại tài sản của mình đóng góp.

Vì điều kiện sức khỏe già yếu, nên ông xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị H trình bày:

Chị là cháu ruột anh Trần Nhật H, chị lên nhà chú thím ở từ tháng 5/2020 cho đến nay, chị có đăng ký tạm trú tại địa chỉ phường TT, quận Long Biên, TP Hà Nội. Vì hiện nay chị bận công việc nên không thể nghỉ được nên chị xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà Đ xin vắng mặt tại phiên tòa vì lý do sức khỏe không đi lại được. Mọi ý kiến bà đều nhất trí với đơn trình bày gửi Tòa án của chị Nguyễn Thị Thu H.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 127/2020/KDM-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ, tính đến ngày 23/9/2020 là 20.926.692.615 đồng. Trong đó nợ gốc là 17.944.031.936 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.421.044.591 đồng và nợ lãi quá hạn là 561.616.089 đồng.

2. Kể từ ngày 24/9/2020, H ng tháng bị đơn còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận ký trong các Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ với nguyên đơn cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3. Trong trường hợp bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi H nh án phát mại tài sản thế chấp là:

3.1. Quyền sử dụng đất thửa đất số ... tờ bản đồ số Xóm L tại địa chỉ ..., phường TT, quận Long Biên, H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số; Sổ vào sổ cấp do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 04/05/2011 mang tên anh Trần Nhật H và vợ là chị Nguyễn Thị Thu H.

3.2. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở thửa đất số ... tờ bản đồ xóm L, tại địa chỉ ..., phường TT, quận Long Biên, H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số, sổ vào sổ cấp ... do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 04/05/2011, mang tên anh Trần Nhật H và vợ là chị Nguyễn Thị Thu H.

3.3. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở thửa đất số ... tờ bản đồ số ... tại địa ... phường TT, quận Long Biên, H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ..., sổ vào sổ cấp ... do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 30/12/2011, mang tên anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H.

3.4. Quyền sử dụng đất thửa đất số ...tờ bản đồ số xóm L tại địa chỉ tổ 21, phường TT , quận Long Biên, H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số, sổ vào sổ cấp do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 02/02/2015, mang tên anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H

3.5. 01 ô tô BMW X3, biển kiểm soát ..., của anh Trần Nhật H , sản xuất năm 2016.

3.6. Các tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư thiết bị dàn nâng và hệ thống cầu trục, máy CNC phục vụ hoạt động sản xuất, gia công các sản phẩm kết cấu thép, tại địa chỉ TL, thôn TL , xã PM , huyện Sóc Sơn, H Nội cụ thể gồm Máy H n dầm H, Model IHH-0815 (1 chiếc) (không có nguồn H n); Máy H n tự động Model MZ-1000 (2 chiếc) (gồm nguồn, hộp điều khiển, bộ ra dây); Thiết bị dàn nâng (3 chiếc); Hệ thống cầu trục hệ nhỏ (3 chiếc); Hệ thống cầu trục hệ trung (1 chiếc).

4. Trường hợp sau khi kê biên, phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải có trách nhiệm trả nốt số tiền còn lại cho nguyên đơn.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu xác nhận nhà đất tại thửa đất số tờ bản đồ số tại địa chỉ (nay là), phường TT, quận Long Biên, H Nội là tài sản chung của mọi người trong dòng họ Trần, không phải là tài sản riêng của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi H nh án của các bên đương sự.

Không đồng ý với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thu H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 127/2020/KDTM- ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh và đề nghị Tòa án phúc thẩm kiểm tra và công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số ...), tờ bản đồ số ... tại địa chỉ tổ ... (nay là số), phường TT, quận Long Biên, H Nội là tài sản chung của dòng họ Trần. Đề nghị Tòa án xem xét không xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người đại diện ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cùng thống nhất trình bày:

Chúng tôi đã có phương án hòa giải giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của chúng tôi, cụ thể:

Tính đến ngày 23/9/2020, bị đơn xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 20.926.692.615 đồng. Trong đó nợ gốc là 17.944.031.935 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.421.044.591 đồng, nợ lãi quá hạn là 561.616.089 đồng.

Chúng tôi thống nhất thỏa thuận về thời hạn trả nợ như sau:

- Chậm nhất ngày 30/9/2021, bị đơn trả 7.944.031.935 đồng (nợ gốc);
- Chậm nhất ngày 15/3/2022, bị đơn trả 10.000.000.000 đồng (nợ gốc);
- Chậm nhất ngày 15/5/2022, bị đơn trả toàn bộ nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn còn lại (bao gồm cả lãi phát sinh kể từ ngày 24/9/2020).

Bị đơn phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo mức lại suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 01/2018/CTD/VCB.TX-CNC ngày 08/06/2018, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2018/CVHM/VCB.TX-CNC ngày 08/06/2018 và Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 01/TH/2017/VCB.TX-CNC ngày 27/02/2017, kể từ ngày 24/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi H nh án dân sự xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất tại địa chỉ tổ ..., phường TT, quận Long Biên, H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ..., số vào sổ cấp ... do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 04/05/2011, thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H;

2. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ tổ ..., phường TT, quận Long Biên, H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ..., số vào sổ cấp ... do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 04/05/2011, thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H;

3. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ tổ ..., phường TT, quận Long Biên, H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ..., số vào sổ cấp ... do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 30/12/2011, thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H;

4. Quyền sử dụng đất tại địa chỉ tổ ..., phường TT, quận Long Biên, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số, số vào sổ cấp do Ủy ban nhân dân quận Long Biên cấp ngày 02/02/2015, thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H;

5. 01 ô tô BMW X3, biển kiểm soát ..., chủ sở hữu là anh Trần Nhật H, sản xuất năm 2016;

6. Các tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư thiết bị dần nâng và hệ thống cầu trục, máy CNC phục vụ hoạt động sản xuất, gia công các sản phẩm kết cấu thép tại địa chỉ TL, thôn TL, xã PM, huyện Sóc Sơn, TP H Nội cụ thể là Máy H n dầm H, Model IHH- 0815 (01 chiếc) (không có nguồn H n); Máy H n tự động Model MZ-1000 (02 chiếc) (gồm nguồn, hộp điều khiển, bộ ra dây); Thiết bị dần nâng (03 chiếc); Hệ thống cầu trục hệ nhỏ (3 chiếc); Hệ thống cầu trục hệ trung (01 chiếc).

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho nguyên đơn.

Về án phí: bị đơn chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: bị đơn và chị H kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của đương sự là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Các đương sự đã đưa ra được phương án hòa giải và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Các thỏa thuận của đương sự không bị lừa dối ép buộc và

phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: các đương sự thỏa thuận bị đơn chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thu H kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật. Do vậy, kháng cáo của các đương sự là hợp lệ.

Về tư cách tham gia tố tụng của bà Trần Thị Đ (mẹ đẻ anh Trần Nhật H), Tòa án sơ thẩm đưa bà Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh H và chị H khai bà Đ không có hộ khẩu thường trú tại nhà anh chị (bà chỉ đến chơi). Bà Đ không liên quan đến quyền sở hữu căn nhà của vợ chồng anh H và chị H hiện đang thế chấp cho nguyên đơn, hiện nay bà Đ đang sinh sống tại nhà em trai của anh H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bà Đ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã đưa ra được phương án hòa giải và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Các thỏa thuận của các đương sự không bị lừa dối, ép buộc và phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ vào quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy cần sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Án phí sơ thẩm: ghi nhận sự thỏa thuận bị đơn chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: do sửa Bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 293, 294, 300, 308 và 309 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 317, 318, 320, 321, 322, 323, 351, 352, 357 và 429 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 127/2020/KDM-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 23/9/2020, Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng ... xác nhận còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần NT... số tiền là 20.926.692.615 (hai mươi tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm mười lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 17.944.031.935 (mười bảy tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi một nghìn chín trăm ba mươi lăm) đồng, nợ lãi trong hạn là 2.421.044.591 (hai tỷ bốn trăm hai mươi một triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi một) đồng và nợ lãi quá hạn là 561.616.089 (năm trăm sáu mươi một triệu sáu trăm mười sáu nghìn không trăm tám mươi chín) đồng.

3. Các đương sự thống nhất thỏa thuận về thời hạn trả nợ như sau:

- Chậm nhất ngày 30/9/2021, Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT.... số tiền 7.944.031.935 (bảy tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi một nghìn chín trăm ba mươi lăm) đồng (nợ gốc);

- Chậm nhất ngày 15/3/2022, Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng ... trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT.... số tiền 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng (nợ gốc);

- Chậm nhất ngày 15/5/2022, Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng ... trả toàn bộ nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT.... (bao gồm cả lãi phát sinh kể từ ngày 24/9/2020).

Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo mức lại suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 01/2018/CTD/VCB.TX-CNC ngày 08/06/2018, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2018/CVHM/VCB.TX-CNC ngày 08/06/2018 và Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 01/TH/2017/VCB.TX-CNC ngày 27/02/2017, kể từ ngày 24/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất tại địa chỉ ..., phường TT, quận Long Biên, H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ..., số vào sổ cấp do Ủy ban nhân dân quận Long Biên, TP Hà Nội cấp ngày 04/05/2011, thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H ;

2. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ ..., phường TT, quận Long Biên, H Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ..., số vào sổ cấp ... do Ủy ban nhân dân quận Long Biên,

TP H Nội cấp ngày 04/05/2011, thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H ;

3. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ ..., phường TT , quận Long Biên, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ..., số vào sổ cấp ... do Ủy ban nhân dân quận Long Biên, TP H Nội cấp ngày 30/12/2011, thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H ;

4. Quyền sử dụng đất tại địa chỉ .., phường TT , quận Long Biên, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số, số vào sổ cấp do Ủy ban nhân dân quận Long Biên, TP H Nội cấp ngày 02/02/2015, thuộc sở hữu của anh Trần Nhật H và chị Nguyễn Thị Thu H ;

5. 01 ô tô BMW X3, biển kiểm soát ..., chủ sở hữu là anh Trần Nhật H , sản xuất năm 2016;

6. Các tài sản là máy móc thiết bị hình t H nh từ dự án “Đầu tư thiết bị nâng và hệ thống cầu trục, máy CNC phục vụ hoạt động sản xuất, gia công các sản phẩm kết cấu thép” tại địa chỉ TL, thôn TL , xã PM , huyện Sóc Sơn, H Nội cụ thể: Máy H n dầm H, Model IHH- 0815 (01 chiếc) (không có nguồn H n); Máy H n tự động Model MZ-1000 (02 chiếc) (gồm nguồn, hộp điều khiển, bộ ra dây); Thiết bị nâng (03 chiếc); Hệ thống cầu trục hệ nhỏ (3 chiếc); Hệ thống cầu trục hệ trung (01 chiếc).

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho nguyên đơn.

4. Về án phí:

a. Án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng ... chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 128.926.693 (một trăm hai tám triệu chín trăm hai sáu nghìn sáu trăm chín ba) đồng;

- Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 63.972.015 (sáu mươi ba triệu chín trăm bảy hai nghìn không trăm mười lăm) đồng tại Chi cục thi hành án huyện Đông Anh theo Biên lai thu tiền số 0015223 ngày 13/12/2019.

b. Án phí phúc thẩm:

- Hoàn trả 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng ... tại Chi cục thi hành án huyện Đông Anh theo Biên lai thu tiền số 8508 ngày 16/11/2020;

- Hoàn trả 2.000.000 (hai triệu) đồng cho chị Nguyễn Thị Thu H tại Chi cục thi hành án huyện Đông Anh tại Biên lai thu tiền số 17878 ngày 22/10/2020.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu HS, VP, HCTP và TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành